TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 8 năm 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Minh Chánh - bà Lương Thảo Vy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thúy A, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 779 tổ 15, ấp MT, xã MĐ, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 20 tổ 01, ấp MQ, xã VTT, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phan Thị Thúy A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị A và anh T do mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MĐ, huyện C (nay là xã MĐ), tỉnh An Giang ngày 21/3/2023. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; tuy nhiên, thời gian dần về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hoà hợp nên vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 8/2024 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị A và anh T có 01 con chung tên Trần Văn K, sinh ngày 14/01/2023, đang chung sống với chị A. Chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Văn K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 12/8/2025, anh Trần Văn T xin được vắng

mặt khi Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Ý kiến, yêu cầu của anh T như sau:

- Về hôn nhân: Anh T và chị A do mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú (nay là xã Mỹ Đức), tỉnh An Giang ngày 21/3/2023. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; tuy nhiên, thời gian dần về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hoà hợp nên vợ chồng đã ly thân cách đây khoảng 01 năm cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với chị A.

- Về con chung: Anh T và chị A có 01 con chung tên Trần Văn K, sinh ngày 14/01/2023, cháu K đang chung sống với chị A. Anh T đồng ý giao con chung Trần Văn K cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Chị A và anh T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho chị A ly hôn với anh T.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung Trần Văn K, sinh ngày 14/01/2023 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại xã Vĩnh Thạnh Trung, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị A và anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị A và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú (nay là xã Mỹ Đức), tỉnh An Giang ngày 21/3/2023, nên hôn nhân được pháp luật công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn; làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, chị A và anh T có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên vợ chồng đã sống ly thân cách nay khoảng 01 năm. Tòa án có tiến hành hòa giải để ghi nhận ý kiến, tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt khi hòa giải, chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nên việc hòa giải đoàn tụ không thành; cho đến nay vợ chồng vẫn không thể tự hàn gắn tình cảm.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa chị A và anh T đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị A giữ nguyên yêu cầu ly hôn và anh T đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị A ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị A và anh T có 01 (Một) con chung tên Trần Văn K, sinh ngày 14/01/2023. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K; chị A đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cháu K hiện dưới 36 tháng tuổi; chị A và anh T thống nhất giao cháu K cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cho cháu K ổn định về tâm lý, chỗ ở và sự phát triển bình thường của con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu K cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp. Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Thị Thúy A ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Chị Phan Thị Thúy A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Văn K, sinh ngày 14/01/2023. Chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình của mình, không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai thu số 0009533 ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - An Giang).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Thúy A và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THADS KV13-AG;
- UBND xã Mỹ Đức
(khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quang